

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 42,100 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 13.8% | 32.0% | 43.3% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 23,923 - 42,500 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 1,263 |
| Số lượng CPLH (CP) | 30,000,000 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 9,450 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Beta | 0.01 |
| EPS | 6,490 |
| P/E | 6.5 |

DT thuần

Q1/24

202

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 100| 97.6%

YoY: ▲ 114| 130%

LN trước thuế

Q1/24

132

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 102| 333%

YoY: ▲ 98.1| 288%

LN sau thuế

Q1/24

105

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 80.8| 335%

YoY: ▲ 77.9| 288%

ROA

2023

8.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

2023

383

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0| 5.9%

LN trước thuế

2023

143

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.0| 9.0%

LN sau thuế

2023

116

tỷ VNĐ

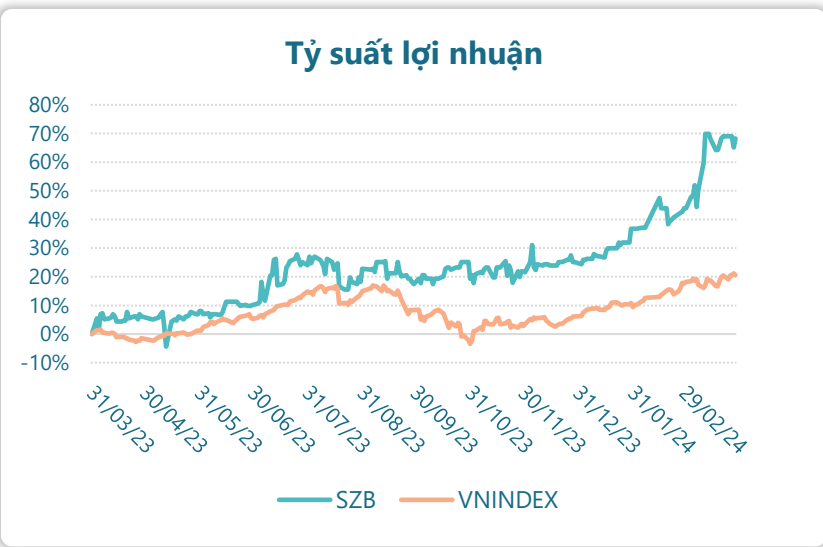
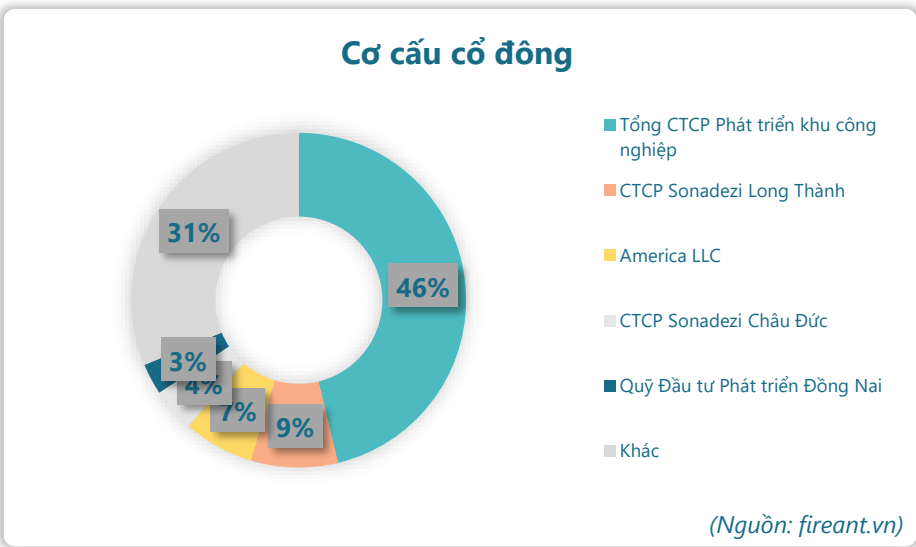
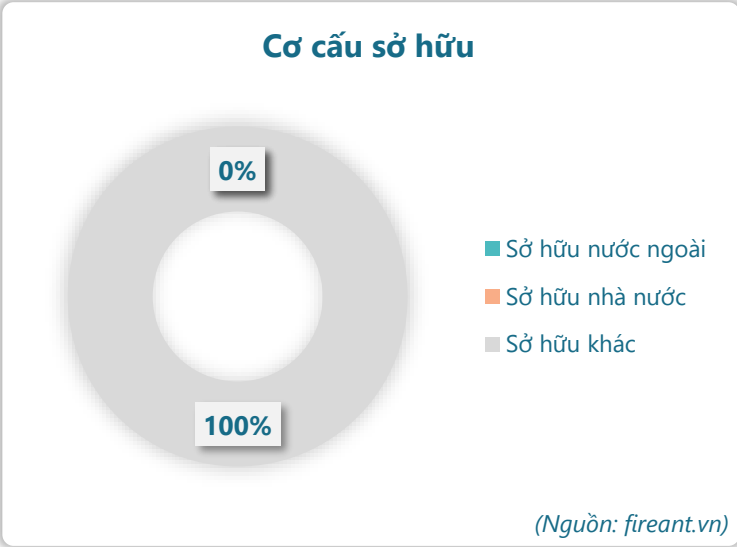
YoY: ▲ 9.00| 9.0%

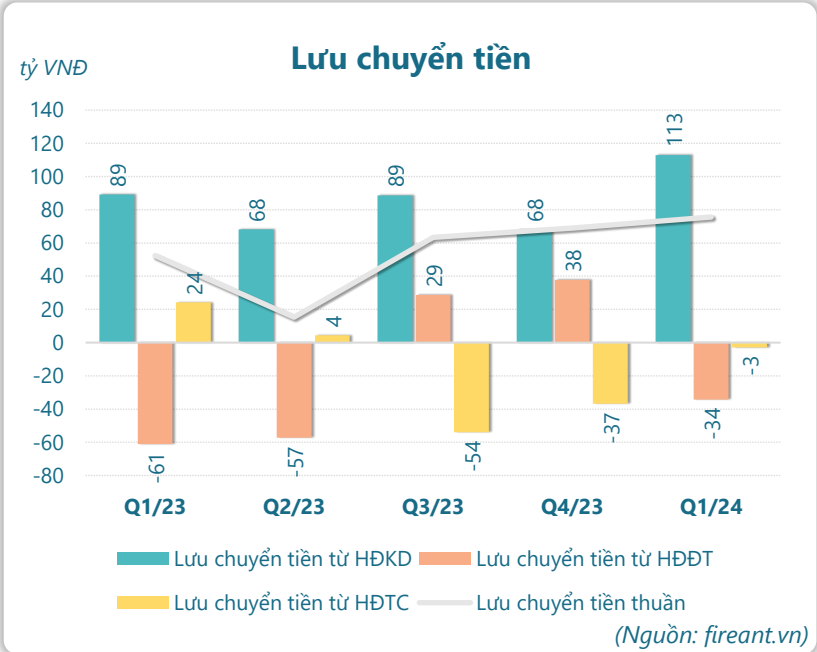
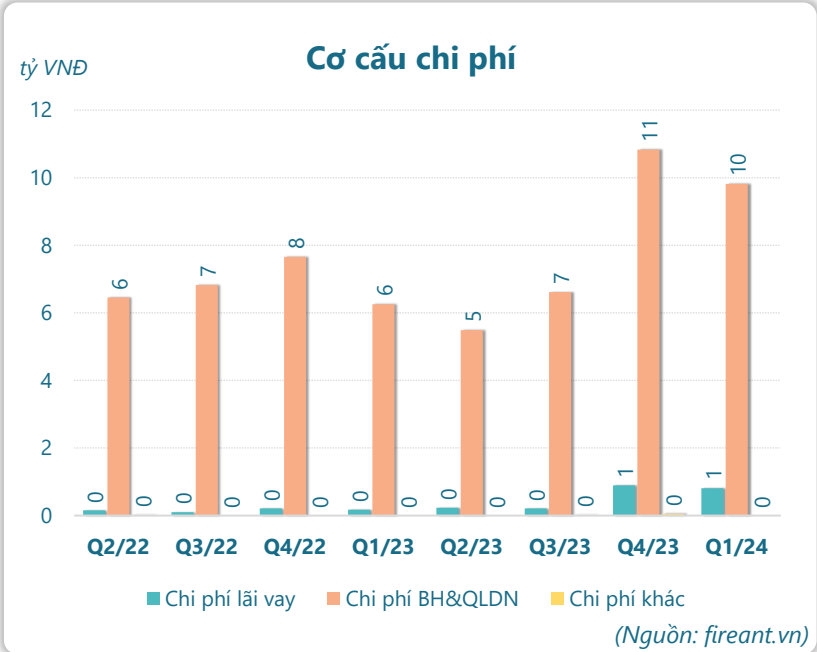
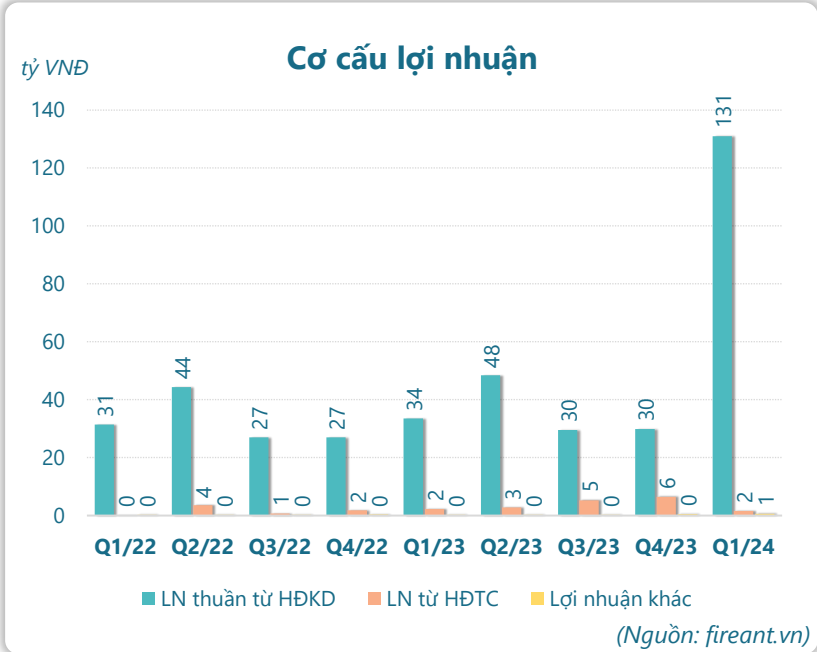
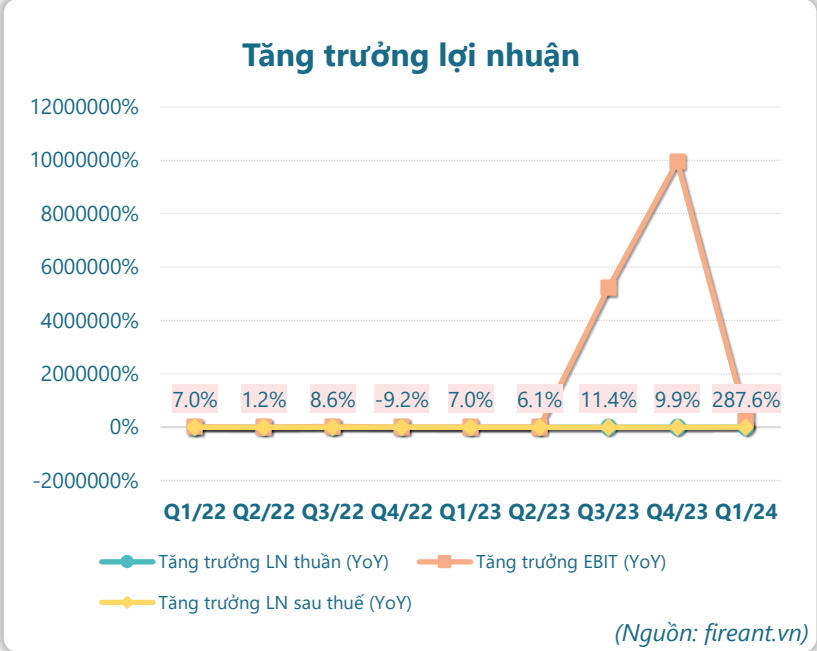
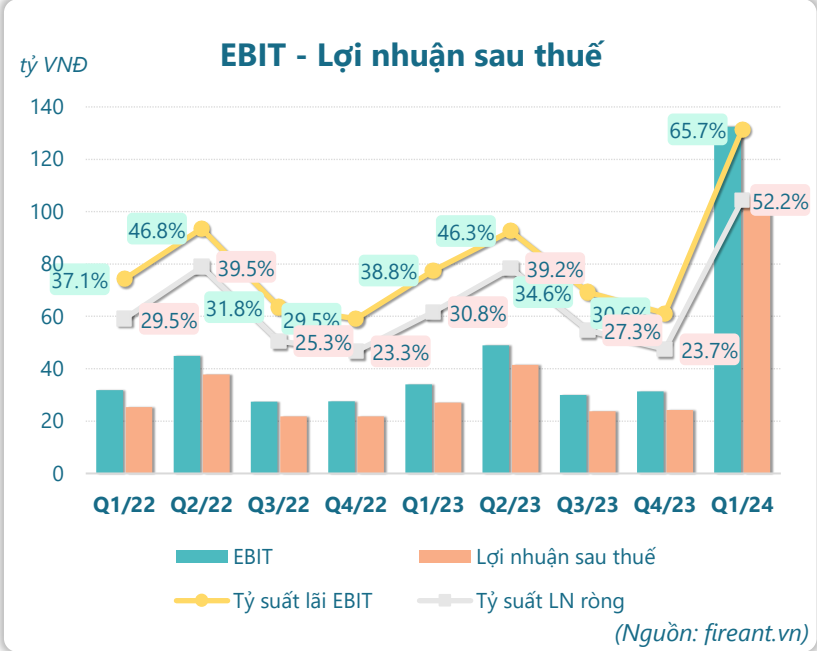
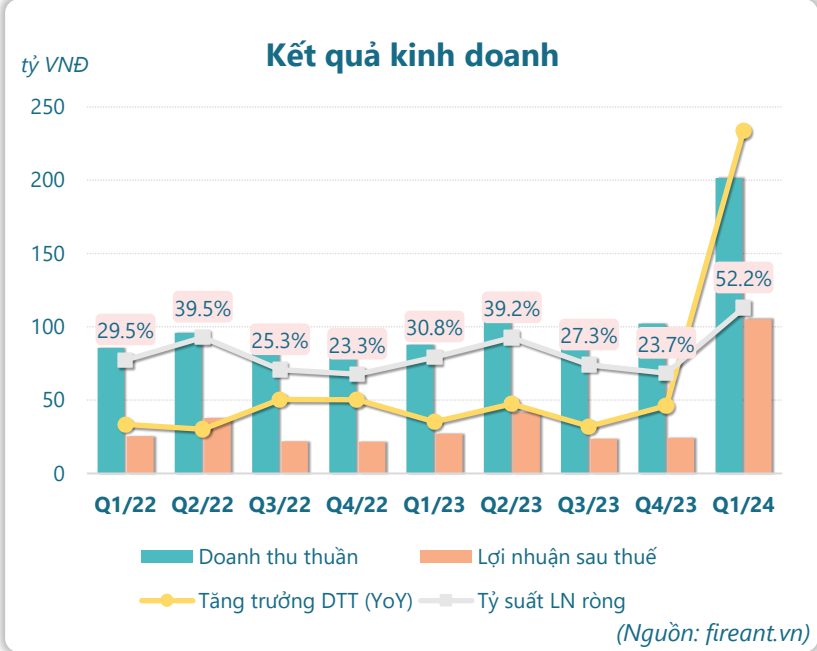
ROE

2023

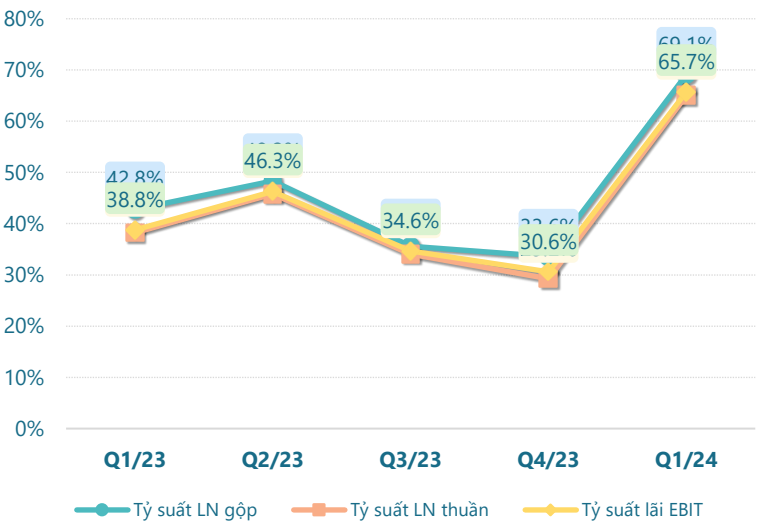
20.0%

+/- YoY: ▲ 1.6%



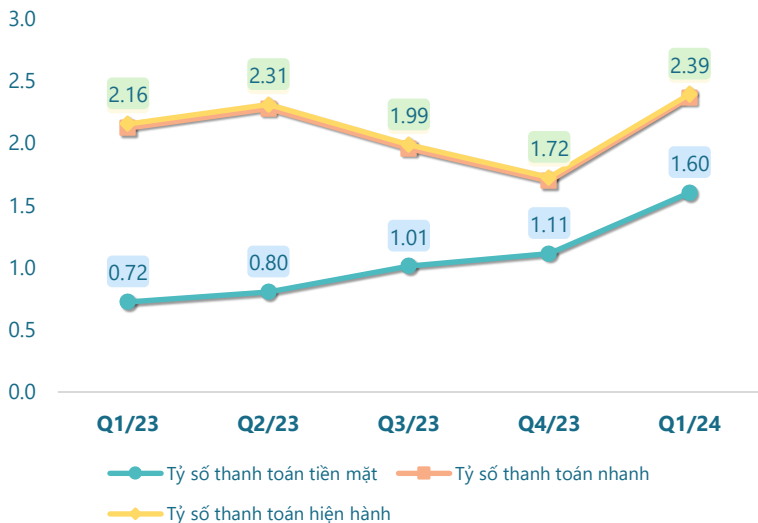


Tỷ suất lợi nhuận



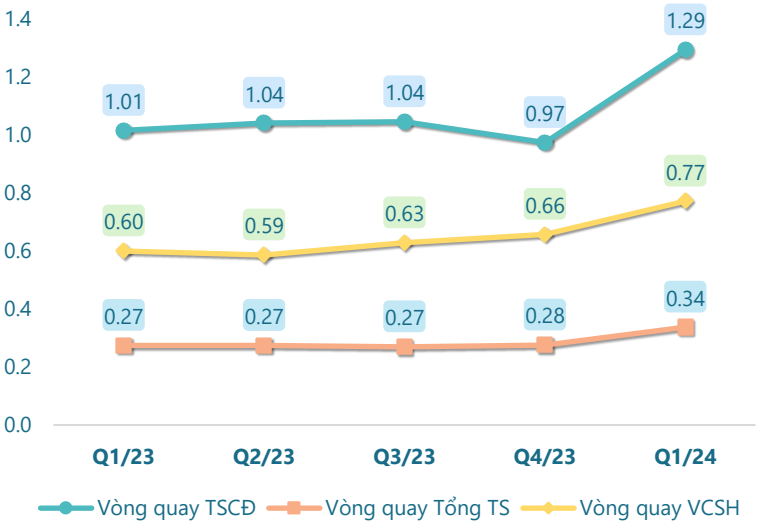
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



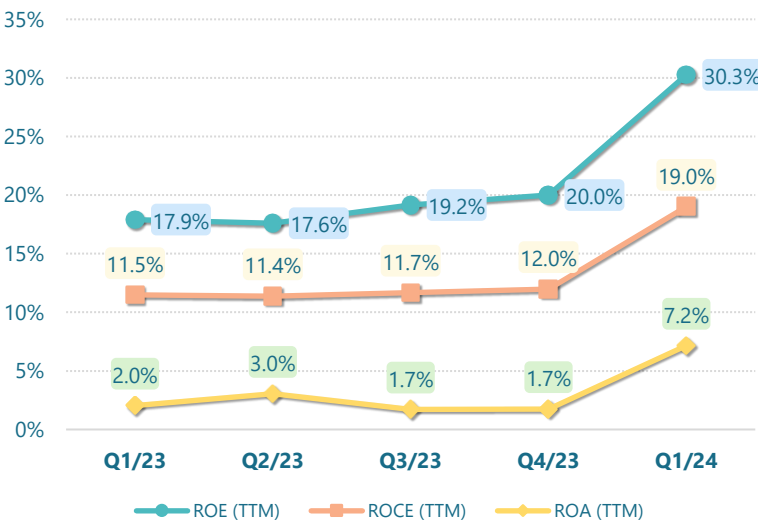
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



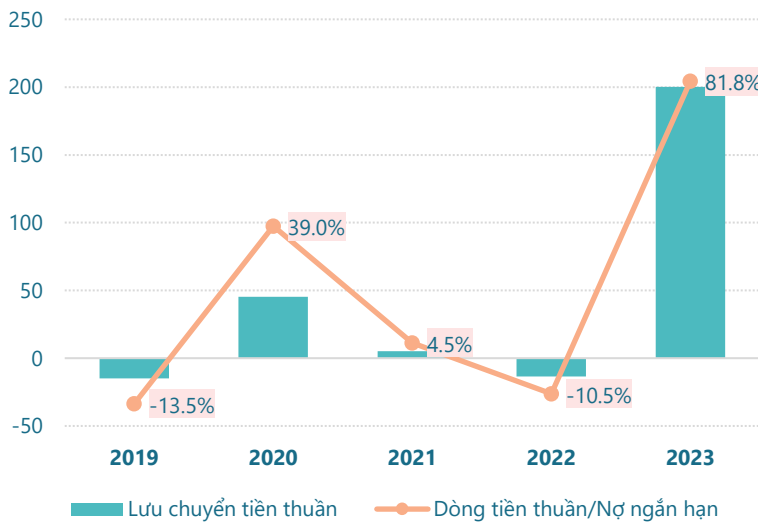
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



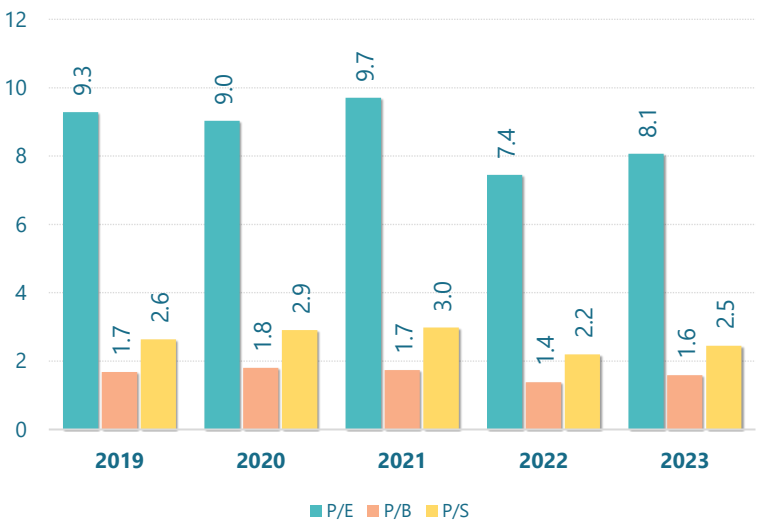
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)